

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 30/11/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hiến;
2. Bà Hoàng Thị Xoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Y**, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Đường TP, tổ dân phố N, thị trấn X, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: Anh **Mai Đăng G**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Đường TP, tổ dân phố N, thị trấn X, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị Y trình bày: Chị và anh Mai Đăng G sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 13/7/2005 tại UBND thị trấn X. Sau khi kết hôn chị và anh G chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa nghiêm trọng. Từ năm 2010, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Anh G tính cách gia trưởng lại không chăm lo được kinh tế cho gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng Chị chưa yêu cầu cơ quan tổ chức nào hòa giải mà tự vợ chồng giải quyết với nhau. Tuy nhiên mâu thuẫn không thể giải quyết được mà ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng Chị đã sống ly thân khoảng 02

năm nay mặc dù vẫn ở chung nhà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Mai Đăng G.

Về con chung: Chị Y cho biết chị và anh G có 02 con chung là cháu Mai Hoàng A, sinh ngày 20/01/2006 và cháu Mai Thị Ngân H, sinh ngày 08/9/2011. Nguyên vọng của chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Y đề nghị tự thỏa thuận giải quyết với anh G về vấn đề tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Y vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc giải quyết ly hôn, nuôi con chung và vấn đề tài sản chung, nợ chung. Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hoàng Thị Y được ly hôn với anh Mai Đăng G; về con chung: giao cháu Mai Hoàng A và cháu Mai Thị Ngân H cho chị Hoàng Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu nên không đề cập đến; về tài sản chung và nợ chung chị Y không yêu cầu giải quyết, anh G không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay để thể hiện ý kiến của mình nên không xem xét đến. Về án phí: chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về ly hôn giữa chị Hoàng Thị Y và anh Mai Đăng G. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn X, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Y có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án do bị đơn anh Mai Đăng G thường xuyên vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ vắng mặt anh Mai Đăng G theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Mai Đăng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo cho anh G theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp, xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị Y và anh G kết hôn với nhau tự nguyện năm 2006 và đã được UBND thị trấn X cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 13/7/2005. Thời điểm đăng ký kết hôn, anh chị đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh G là hợp pháp.

Theo chị Y, chị và anh G sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn chăm sóc vợ con. Chị và anh G tuy ở cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Mặt khác, anh G không giúp được gì cho chị mà còn nợ bên ngoài để chủ nợ đến đòi nợ và đe dọa tính mạng chị và các con. Chị muốn sự an toàn cho mình và các con nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh G.

Theo ý kiến của ông Dương Văn Sơn, tổ trưởng tổ dân phố N thì vợ chồng anh G và chị Y hiện vẫn chung sống cùng nhà và thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát còn nguyên nhân cũng như mức độ mâu thuẫn như thế nào là chuyện của vợ chồng anh G và chị Y chứ ông không rõ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu anh G đến Tòa án làm việc, hòa giải tuy nhiên anh G vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chứng tỏ anh G đã không quan tâm, bỏ mặc, không còn thiết tha mong muốn cùng chị Y xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những tình tiết trên có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh G là có thật, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, cho chị được ly hôn với anh G là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị Y cho rằng chị và anh G có 02 con chung là cháu Mai Hoàng A sinh ngày 20/01/2006 và cháu Mai Thị Ngân H sinh ngày 08/09/2011 hiện cả hai cháu đang chung sống với chị Y và anh G. Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục hai cháu đến khi đủ 18 tuổi; Anh G vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến gì về vấn đề con chung. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Hiện tại cả cháu H và cháu A đều đã trên 7 tuổi nên phải xem xét đến nguyện vọng của các cháu. Tại biên bản lấy lời khai 22/9/2020 hai cháu đều thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai con chung là Mai Hoàng A và Mai Thị Ngân H

cho chị Y được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị Y không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 175, 177, 179, 205, 207, 220, 228, 262, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị Y. Cho chị Hoàng Thị Y được ly hôn với anh Mai Đăng G.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Mai Hoàng A sinh ngày 20/01/2006 và cháu Mai Thị Ngân H sinh ngày 08/09/2011 cho chị Hoàng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0016323 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Mai Đăng G không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị Y có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Mai Đăng G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND thị trấn X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Anh Vũ